

Số: 707/QĐ-UBND

Son La, ngày 06 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả Nhiệm vụ “Đánh giá khí hậu của tỉnh Sơn La”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24 - NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 -2020;

Căn cứ Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND Tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ “Đánh giá khí hậu tỉnh Sơn La”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 204/TTr-STNMT ngày 31/3/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả Nhiệm vụ “Đánh giá khí hậu của tỉnh Sơn La” với các nội dung chính sau:

- 1.Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La
2. Sản phẩm của nhiệm vụ: Báo cáo tổng hợp đánh giá khí hậu của tỉnh Sơn La; đĩa CD ghi file dữ liệu toàn bộ nhiệm vụ.

3. Nội dung và kết quả thực hiện

3.1 Đặc điểm của khí hậu tỉnh Sơn La

a. Nhiệt độ

Nhiệt độ trung bình năm cả giai đoạn 2008-2017 trên toàn tỉnh Sơn La là 22,2°C. Xét theo từng trạm, nhiệt độ trung bình năm cao nhất tại trạm Phù Yên và Yên Châu là 23,7°C, thấp nhất tại trạm Mộc Châu là 19,2°C. Tại trạm Sơn La, Cò Nòi, Bắc Yên, nhiệt độ tương đối cao trong các tháng mùa hè (tháng V-VIII), khoảng 25°C, thấp trong các mùa đông (XII, I, II), khoảng 14-16°C. Tại Mộc Châu, nhiệt độ trung bình tháng thấp hơn so với các trạm còn lại. Nhiệt độ trung bình các tháng mùa hè cao, cao nhất vào tháng VI là 24°C. Nhiệt độ tương đối thấp vào các tháng mùa đông, đặc biệt tháng I, với giá trị trung bình là 12,7°C. Đối với các trạm Sông Mã, Yên Châu, Phù Yên, Phiêng Lanh, nhiệt độ trung bình trong các tháng mùa hè cao hơn so với các trạm còn lại, dao động từ 25-29°C, nhiệt độ các tháng mùa đông thấp, trên 15°C.

Nhiệt độ tối cao trung bình năm cả giai đoạn 2008-2017 trên toàn tỉnh Sơn La là 37,0°C. Xét theo từng trạm, nhiệt độ tối cao trung bình năm cao nhất tại trạm Yên Châu và Phù Yên là 39,3°C, thấp nhất tại trạm Mộc Châu là 33,3°C. Nhiệt độ tối thấp trung bình năm tính trung bình cả giai đoạn 2008-2017 trên toàn tỉnh Sơn La là 5,3°C. Xét theo từng trạm, nhiệt độ tối thấp trung bình năm cao nhất tại trạm Phiêng Lanh là 7,4°C, thấp nhất tại trạm Mộc Châu là 2,7°C.

b. Lượng mưa

Lượng mưa năm trên toàn tỉnh Sơn La tập trung chủ yếu vào tháng IV đến tháng IX. Lượng mưa cực đại xảy ra vào tháng VII là 285,7 mm. Lượng mưa tương đối thấp từ tháng X đến tháng III, đạt cực tiểu vào tháng II là 14,9 mm.

Trong thời kỳ 2008-2017, tổng lượng mưa năm cao nhất vào năm 2008 tại nhiều trạm, thấp nhất vào năm 2009, 2010 ở hầu hết các trạm. Lượng mưa trung bình năm trong thời kỳ 2008-2017, cao nhất tại trạm Phiêng Lanh, tiếp đến là trạm Mộc Châu, thấp nhất tại trạm Sông Mã và Yên Châu.

c. Các hiện tượng thời tiết cực đoan

- **Nắng nóng:** tương đối thấp ở các trạm Sơn La, Bắc Yên, Cò Nòi, không xuất hiện ở Mộc Châu. Ở các trạm còn lại, số ngày nắng nóng tương đối cao, cao nhất tại trạm Yên Châu, trung bình gần 60 ngày/1 năm, tiếp đến là trạm Phù Yên (50 ngày), Sông Mã (45 ngày), Phiêng Lanh (26 ngày).

- **Hạn hán:** xảy ra vào mùa đông và mùa xuân (từ tháng XI đến tháng III, IV năm sau) ở hầu hết các trạm trong tỉnh. Hạn nắng hơn xảy ra vào tháng II và tháng III. Tại trạm Cò Nòi, Yên Châu, Sông Mã, hạn hán xảy ra với mức độ nặng hơn với các trạm còn lại trong cùng khoảng thời gian xảy ra hạn.

- **Rét đậm, rét hại:** Trong thời kỳ đánh giá trung bình tháng trên toàn tỉnh Sơn La xảy ra vào tháng XI đến tháng III năm sau, nhiều nhất là tháng I (14,2 ngày).

- **Sương muối:** thường xảy ra vào khoảng tháng XII hoặc tháng I là những tháng thời tiết lạnh khô thuận lợi cho sự bức xạ mất nhiệt của mặt đất. Sương

muối xuất hiện ở trên địa bàn toàn tỉnh nhưng khu vực hay xuất hiện sương muối nhất là Mai Sơn, Mộc Châu và thành phố Sơn La. Qua số liệu theo dõi hàng năm thì số ngày bình quân có sương muối ở Mộc Châu là 5,9 ngày/năm, ở thành phố Sơn La là 2,6 ngày/năm, ở Mai Sơn là 2,9 ngày/năm.

- Mưa đá: Mưa đá thường hay hình thành trong các tháng chuyển tiếp giữa mùa lạnh sang mùa nóng (tháng IV, V và VI) hoặc giữa mùa nóng sang mùa lạnh (tháng IX, X và XI). Trong thời kỳ đánh giá mưa đá có xảy ra vào năm 2013 và năm 2016.

3.2. Dao động khí hậu và biến đổi khí hậu tại Sơn La

- Dao động nhiệt độ của các năm tại từng trạm so với trung bình trong thời kỳ đánh giá thì dao động nhiệt độ tại Sơn La có nhiều biến đổi lớn. Năm nhiệt độ thấp hơn so với trung bình nhiều năm từ 1-1,2°C như các năm 2008 và 2011. Năm có nhiệt độ cao hơn trung bình nhiều năm gồm năm 2014, 2015, 2016, 2017. Nhiệt độ năm 2015 tại các điểm trạm đều lớn hơn trung bình nhiều năm vào khoảng 1°C.

- Dao động cực trị về nhiệt độ tại các trạm của tỉnh Sơn La có nhiều biến đổi cả nhiệt độ cực đại và nhiệt độ cực tiểu. Đối với nhiệt độ cực đại biên độ dao động cao nhất khoảng 1,5°C. Năm có nhiệt độ cực đại cao hơn trung bình xen kẽ với năm có nhiệt độ cực đại thấp hơn trung bình. Đối với nhiệt độ cực tiểu biên độ dao động lớn hơn nhiệt độ cực đại. Cá biệt có năm 2016 tại trạm Mộc Châu biên độ dao động lên đến 3,6°C, đây là mức dao động lớn đối với tỉnh Sơn La. Nhìn chung biên độ dao động nhiệt độ cực tiểu vào khoảng 0,5-2,5°C tùy từng trạm khác nhau.

- Dao động lượng mưa trung bình năm có xu hướng giảm (thành phố Sơn La hiện ở mức 1.402mm, Mộc Châu 1.563mm). Tổng lượng mưa thấp nhất vào năm 2010 là 1126,6 mm; tổng lượng mưa năm cao nhất vào năm 2008 là 1936,9 mm. Xem xét xu thế biến đổi của lượng mưa năm theo thời gian cho thấy, lượng mưa năm có xu thế giảm nhẹ theo thời gian.

- Mưa lớn: Số ngày mưa trên 50 mm có xu thế tăng trong giai đoạn 1961-2017 và giảm trong giai đoạn 2008-2017.

- Tần suất xuất hiện bão, áp thấp nhiệt đới nhiều nhất tại Sơn La vào năm 2017 với 5 cơn áp thấp nhiệt đới đổ bộ vào gây mưa lớn. Trung bình 10 năm trong thời kỳ đánh giá có khoảng 22 trận lũ lớn và nhỏ.

- Các hiện tượng nắng nóng, hạn hán: Dao động của các yếu tố này phụ thuộc vào các vùng khí hậu khác nhau của tỉnh Sơn La. Có nhiều vùng có biên độ dao động lớn như vùng Sơn La, Yên Châu, Phiêng Lanh, Cò Nòi biên độ dao động vào khoảng 20 ngày nắng nóng. Tuy nhiên có những vùng dao động lại nhỏ hơn chỉ khoảng 5 ngày nắng nóng, hạn hán như các năm 2008-2013 của trạm Bắc Yên.

- Đối với yếu tố rét đậm, rét hại: Biên độ dao động số ngày rét đậm rét hại có xu thế giảm dần trong thời kỳ đánh giá. Diễn hình các năm đầu thời kỳ đánh giá có dao động lớn biên độ dao động từ 30-40 ngày rét đậm, rét hại và tập trung ở các năm 2008-2012. Đến các năm cuối thời kỳ đánh giá 2012-2017 biên độ dao động nhỏ hơn chỉ khoảng 10-20 ngày rét đậm rét hại. *qr*

3.3. Tác động của biến đổi khí hậu đến thiên tai, tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái và các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh Sơn La

a. Tác động của biến đổi khí hậu đến thiên tai

Giai đoạn 2008-2017, biến đổi khí hậu có tác động rõ rệt đến tần suất, cường độ và xu thế biến đổi của hiện tượng thiên tai:

- Tần suất xuất hiện bão, áp thấp nhiệt đới trong giai đoạn đánh giá tăng cao hơn cả so với thời kỳ trước đây.

- Sự phân bố không đều của lượng mưa và sự gia tăng nhiệt độ kéo theo gia tăng hạn hán, đặc biệt vào vụ đông xuân gây ra tình trạng thiếu nước ở nhiều khu vực.

- Mưa đá: Mưa đá xảy ra nhiều trong thời kỳ đánh giá

b. Tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên thiên nhiên, môi trường và hệ sinh thái

- Tài nguyên nước: tỉnh Sơn La có hệ thống sông ngòi đầm hồ khá phong phú nên qua sự thay đổi nhiệt độ nước và mực nước làm thay đổi lớn tới thời tiết (chế độ mưa, bão, hạn hán, cháy rừng, Elino...), tới lưu lượng, đặc biệt là tần suất và thời gian của những trận lũ và hạn hán lớn làm giảm sản lượng sinh học bao gồm cả các cây trồng nông, công và lâm nghiệp, và sự diệt vong của nhiều loài động, thực vật bản địa, gây hậu quả nghiêm trọng cho nền kinh tế.

- Tài nguyên đất: BĐKH làm thay đổi tần suất và cường độ của các hiện tượng thời tiết cực đoan như nắng nóng, mưa lớn, lũ quét, ngập lụt, giông, lốc, sét, rét đậm, rét hại, sương muối, băng giá...kéo theo nhiều thay đổi và ảnh hưởng tới chất lượng đất và giảm hiệu quả sử dụng đất trong nông nghiệp, lâm nghiệp.

- Đa dạng sinh học: Sơn La có hệ sinh thái phong phú. Biến đổi khí hậu làm thay đổi số lượng và chất lượng hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học. Chức năng và dịch vụ môi trường (điều tiết nguồn nước, điều hòa khí hậu, chống xói mòn ...) và kinh tế của rừng bị suy giảm. Biến đổi khí hậu với sự tăng nhiệt độ, thay đổi lượng mưa sẽ ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng và tổn hại đến thảm thực vật rừng theo các chiều hướng khác nhau.

c. Tác động của biến đổi khí hậu đến kinh tế - xã hội của tỉnh Sơn La

- Biến đổi khí hậu tác động nghiêm trọng đến hoạt động kinh tế như nông nghiệp và lâm nghiệp. Ngày càng có những diễn biến thời tiết bất thường, không theo quy luật gây thiệt hại lặp đi lặp lại hàng năm như: nhà cửa bị ngập, sập, bị lũ cuốn trôi, cầu cống bị hư hỏng, ngập...tại các huyện Mường La, Yên Châu, Bắc Yên, Mai Sơn, Thuận Châu, Sông Mã, Phù Yên.

- Biến đổi khí hậu còn có tác động đến đời sống xã hội như quá trình di dân ở các khu thường xuyên xảy ra thiên tai sạt lở đất, lũ quét; y tế và sức khỏe của cộng đồng; di tích lịch sử, văn hóa; các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương như người nghèo, phụ nữ, trẻ em, người già và người khuyết tật.

3.4 Sự phù hợp của kịch bản biến đổi khí hậu đối với diễn biến thực tế tại Sơn La

Xu thế biến đổi nhiệt độ và lượng mưa của tỉnh Sơn La trong thời kỳ đánh giá phù hợp với xu thế dự báo trong kịch bản biến đổi khí hậu.

3.5. Đề xuất một số giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu

a. Giải pháp về chính sách

- Rà soát sửa đổi bổ sung và ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh cho phù hợp với các quy định pháp luật mới và phù hợp với quy hoạch cấp tỉnh trên các lĩnh vực: biến đổi khí hậu, kế hoạch sử dụng đất; quản lý khoáng sản, rừng, đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường. Chú trọng đến các nội dung: xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát, ứng phó về thiên tai và biến đổi khí hậu; quản lý tổng hợp và có hiệu quả tài nguyên đất, tài nguyên nước, phát triển bền vững nông nghiệp, tài nguyên rừng và đa dạng sinh học; phòng ngừa, ngăn chặn việc phát sinh các nguồn gây ô nhiễm môi trường; kiểm soát, xử lý, giảm thiểu phát sinh các nguồn gây ô nhiễm nước, đất, không khí; quản lý tổng hợp chất thải rắn khu đô thị và khu vực nông thôn; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật về môi trường đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Triển khai làm tốt việc tích hợp vào quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045 về phân bổ, khoanh vùng đất đai theo khu chức năng, loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, đảm bảo nguyên tắc tôn trọng quy hoạch tự nhiên, phù hợp với điều kiện thực tế, tránh can thiệp thô bạo vào tự nhiên.

b. Giải pháp về tài chính

- Sử dụng hợp lý, hiệu quả, đúng mục đích nguồn chi sự nghiệp môi trường; sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ của trung ương, nguồn vốn của các tổ chức quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch vận động nguồn tài trợ phi Chính phủ nước ngoài hàng năm, đẩy mạnh giới thiệu địa bàn và nhu cầu về vốn tài trợ đối với lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh tới các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài và các tổ chức quốc tế.

c. Giải pháp về kỹ thuật

- Xây dựng, phát triển năng lực nghiên cứu, giám sát biến đổi khí hậu, dự báo, cảnh báo thiên tai. Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện kịch bản biến đổi khí hậu, cho giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường kiến thức, nâng

cao năng lực thích ứng, bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai. Hoàn thành dự án khôi phục rừng đầu nguồn Sông Đà, Sông Mã, dự án quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững; chương trình phát triển cây ăn quả trên đất dốc gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm, trồng rừng thay thế; quản lý và sử dụng hiệu quả tiền dịch vụ môi trường rừng; Đẩy mạnh việc áp dụng các biện pháp canh tác nông nghiệp thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu, sản xuất nông nghiệp an toàn theo VietGAP, GlobalGap, khuyến khích triển khai áp dụng các mô hình trồng xen nông lâm kết hợp... để hạn chế xói mòn, rửa trôi đất.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới thích ứng biến đổi khí hậu trong xây dựng đô thị, phát triển, sử dụng năng lượng, giao thông, vật liệu xây dựng, thoát nước...

- Chủ động chuẩn bị các phương án, điều kiện phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai phù hợp với từng ngành, lĩnh vực. Có phương án chủ động xử lý tình huống xấu nhất ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống của nhân dân và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nâng cao năng lực tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống dịch bệnh; Chủ động di dời, sắp xếp lại các điểm dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của lũ lụt, bão và những khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất;

- Chú trọng chăm sóc sức khỏe nhân dân trong các vùng bị tác động mạnh của biến đổi khí hậu. Phát huy trách nhiệm và huy động các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư tích cực tham gia phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Thực hiện chương trình nâng cấp, bảo đảm an toàn các hồ chứa nước. Bảo vệ, đẩy mạnh phục hồi, trồng rừng phòng hộ đầu nguồn. Bảo vệ không gian thoát lũ trên các lưu vực Sông Đà, Sông Mã; Tiếp tục triển khai công trình chống sạt lở bờ sông, suối trên địa bàn tỉnh như kè suối Muội, kè suối Tắc, kè suối Nậm La, kè sông Mã, kè suối La và kè suối Dòn. Các công trình tiêu, thoát lũ: Công trình chống và tiêu thoát lũ cho thành phố Sơn La. Công trình tiêu thoát lũ Chiềng Ngàm Thượng, thuộc xã Tông Cọ, huyện Thuận Châu. Công trình tiêu thoát lũ cho Tiểu khu 5, thị trấn Ít Ong đã làm giảm hẳn tình trạng úng ngập trong khu vực.

- Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; bảo vệ, phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính. Thúc đẩy các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện của tỉnh, trên cơ sở hỗ trợ tài chính và công nghệ của các nước và tổ chức quốc tế. Phát triển thị trường trao đổi tín chỉ các-bon trong nước và tham gia thị trường các-bon toàn cầu theo cơ chế phát triển sạch CDM.

- Ưu tiên thực hiện chương trình giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực chống mất rừng, suy thoái rừng và tạo sinh kế cho cộng đồng. Đẩy mạnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

(có Báo cáo tổng hợp Đánh giá khí hậu Sơn La kèm theo) ✓

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường đôn đốc các Sở, ngành, địa phương sử dụng các nội dung đánh giá khí hậu tỉnh Sơn La phục vụ công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Các Sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh chủ động nghiên cứu, sử dụng kết quả Đánh giá khí hậu của tỉnh Sơn La trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành, chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./. ✓

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Biên KT, 25 bản.



Lò Minh Hùng

